

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND XÃ HÀ BẮC
(Ban hành kèm theo Báo cáo số _____/BC -UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã Hà Bắc)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	17	15		
1.1	Kế hoạch CCHC năm	4	4		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trước ngày 15/01 hàng năm) - Ban hành kịp thời: 1 - Ban hành không kịp thời (trong Quý I năm đánh giá): 0.5 - Không ban hành: 0	1	1		KH số 101/ KH – UBND ngày 06/12/2023
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ, sản phẩm, thời gian, phù hợp với kế hoạch CCHC của huyện, sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị; bố trí kinh phí triển khai - Xác định đầy đủ nhiệm vụ và có bố trí kinh phí: 1 - Không xác định đầy đủ nhiệm vụ hoặc không bố trí kinh phí: 0	1	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.1.3	<p>Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC</p> <p>- Từ 80% đến 100% thì đánh giá theo công thức $b/a * \text{điểm tối đa}$.</p> <p>Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch; b là số nhiệm vụ đã hoàn thành.</p> <p>- Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</p>	2	2		
1.2	<p>Thực hiện công tác báo cáo định kỳ</p> <p>- Báo cáo đầy đủ về CCHC (04 BC): 2</p> <p>- Báo cáo đầy đủ về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính (04 BC): 2</p>	4	4		<p>- Báo cáo CCHC:</p> <p>+ BC số 34 ngày 06/3/2023.</p> <p>+ BC số 100 ngày 06/5/2023</p> <p>+ BC số 176 ngày 05/9/2023.</p> <p>+ BC số 231 ngày 10/11/2023</p> <p>- Báo cáo Kỷ luật kỷ cương:</p> <p>+ BC quý 1 số 45 ngày 15/3/2023</p> <p>+ BC quý 2 số 111 ngày 15/6/2023</p> <p>+ BC quý 3 số 184 ngày 08/9/2023</p> <p>+ BC quý 4 chưa đến ngày làm BC</p>
1.3	Công tác tự kiểm tra, giám sát CCHC tại địa phương	2	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.3.1	Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát công tác CCHC	1	1		KH số 09 ngày 10/01/2023 về việc tự kiểm tra công tác CCHC trên địa bàn xã Hà Bắc năm 2023
	- Có thực hiện: 1				
	- Không thực hiện: 0				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	1		
	- 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 1				
	- Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 0				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1	1		KH số 30 ngày 23/02/2023
	- Thực hiện tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thông: 0.5		0,5		
	- Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác: 0.5		0,5		
1.5	Sáng kiến trong CCHC	2	0		
	- Có từ 02 sáng kiến trở lên: 2				
	- Có 01 sáng kiến: 1		0		
	- Không có sáng kiến: 0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.6	<p>Thực hiện các nhiệm vụ được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao</p> <p>- Hoàn thành đúng tiến độ 100% nhiệm vụ được giao: 2</p> <p>- Hoàn thành dưới 100% nhiệm vụ thì đánh giá theo công thức $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được giao; b là số nhiệm vụ đã hoàn thành.</p>	2	2		
1.7	<p>Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH được giao</p> <p>- 100% chỉ tiêu đạt và vượt: 2</p> <p>- Dưới 100% chỉ tiêu đạt thì tính theo công thức $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số chỉ tiêu được giao; b là số chỉ tiêu đã hoàn thành.</p>	2	2		
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	11	11		
2.1	<p>Triển khai văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) tại địa phương</p> <p>- 100 % Văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành được tổ chức triển khai thực hiện: 1</p> <p>- Dưới 100 % Văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành được tổ chức triển khai thực hiện: 0</p>	1	1		
2.2	Thực hiện các hoạt động theo dõi, thi hành pháp luật	7	7		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
2.2.1	Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật: - Có ban hành kế hoạch: 1 - Không ban hành kế hoạch: 0	1	1		KH số 23 ngày 14/02/2023
2.2.2	Báo cáo công tác theo dõi, thi hành pháp luật: - Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian: 1 - Không báo cáo: 0	1	1		
2.2.3	Thực hiện các hoạt động về theo dõi, thi hành pháp luật: - Thu thập thông tin về tình hình theo dõi, thi hành pháp luật: 1 - Kiểm tra tình hình theo dõi, thi hành pháp luật: 1 - Điều tra, khảo sát tình hình theo dõi, thi hành pháp luật: 1	3	3		
2.2.4	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật - Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi, thi hành pháp luật theo thẩm quyền: 2 - Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi, thi hành pháp luật theo thẩm quyền: 0	2	2		
2.3	Kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản QPPL tại địa phương	3	3		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
2.3.1	Triển khai việc kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản QPPL tại địa phương - Có thực hiện: 1 - Không thực hiện: 0	1	1		
2.3.2	Xử lý văn bản QPPL trái pháp luật sau kiểm tra, rà soát	1	1		
	- Đã xử lý hoặc tham mưu xử lý đầy đủ, đúng thời gian thì điểm đánh giá là: 1; - Có xử lý nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa đúng thời gian: 0.5; - Không xử lý: 0				
2.3.3	Báo cáo năm về kết quả kiểm tra, rà soát văn bản QPPL tại địa phương	1	1		
	- Có báo cáo đảm bảo thời gian và nội dung theo quy định: 1				
	- Không đảm bảo thời gian hoặc nội dung theo quy định: 0.				
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	18	18		
3.1	Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)	3	3		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3.1.1	Ban hành kế hoạch Kiểm soát TTHC theo quy định: - <i>Ban hành kịp thời: 1</i> - <i>Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời: 0</i>	1	1		QĐ số 06/QĐ –UBND ngày 12/01/2023 về ban hành Kế hoạch KSTTHC năm 2023
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch: - <i>Hoàn thành từ 80% đến 100% kế hoạch thì đánh giá theo công thức $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được giao; b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i> - <i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>	1	1		
3.1.3	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, năm về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên hệ Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (baocaochinhphu.gov.vn)	1	1		
	<i>Thực hiện đầy đủ nội dung, đúng thời hạn quy định: 1</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ nội dung, chậm hạn so với quy định: 0</i>				
3.2	Công khai TTHC	2	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3.2.1	Công khai TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC - <i>Đầy đủ, đúng quy định: 1</i> - <i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>	1	1		
3.2.2	Công khai TTHC trên trang Thông tin điện tử của đơn vị: - <i>Đầy đủ, đúng quy định: 1</i> - <i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>	1	1		
3.3	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	2	2		
3.3.1	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết - <i>100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i> - <i>Dưới 100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>	1	1		
3.3.2	Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết - <i>100% kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý được công khai: 1</i> - <i>Dưới 100% kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý được công khai: 0</i>	1	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3.4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	4	4		
3.4.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa: - Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 1 - Dưới 100% số lượng TTHC: 0	1	1		
3.4.2	TTHC hoặc nhóm TTHC được thực hiện theo hình thức liên thông: - Có thực hiện: 1 - Không thực hiện: 0	1	1		
3.4.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ TTHC: - 100% hồ sơ được tiếp nhận đúng quy định (thành phần hồ sơ, phiếu hẹn...): 1 - Dưới 100% hồ sơ được tiếp nhận đúng quy định: 0	1	1		
3.4.4	Thực hiện lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC	1	1		
	- Có thực hiện: 1 - Không thực hiện: 0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3.5	Kết quả giải quyết TTHC	3	3		
3.5.1	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn theo quy định <i>Tính theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$.</i> <i>Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã được giải quyết; b là số hồ sơ đã được giải quyết đúng hạn.</i> <i>Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0.98$ thì điểm đánh giá bằng 0</i>	1	1		
3.5.2	Công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính - Công khai tại trụ sở của UBND cấp xã: 0.5 - Công khai trên trang thông tin điện tử của UBND cấp xã: 0.5 - Không công khai: 0.	1	1		
3.5.3	Chứng thực bản sao điện tử - Có phát sinh hồ sơ chứng thực điện tử: 1 - Không phát sinh hồ sơ chứng thực điện tử: 0	1	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3.6	<p>Công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC</p> <p>- 100% hồ sơ trễ hạn thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được xin lỗi bằng văn bản: 1</p> <p>- Dưới 100% hồ sơ trễ hạn thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được xin lỗi bằng văn bản: 0</p>	1	1		
3.7	<p>Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức</p> <p>- Không có công chức vi phạm, không có đơn thư phản ánh về công chức gây phiền hà, sách nhiễu: 1</p> <p>- Có đơn thư phản ánh về công chức gây phiền hà, sách nhiễu (đã qua xác minh): 0</p>	1	1		
3.8	<p>Cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của Bộ phận một cửa</p>	1	1		
	<p>- Đảm bảo theo quy định: 1</p> <p>- Không đảm bảo theo quy định: 0</p>				
3.9	<p>Ban hành quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã</p>	1	1		QĐ số 161 ngày 10/9/2021

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Đã ban hành và sửa đổi kịp thời theo quy định: 1 - Không ban hành hoặc không sửa đổi kịp thời: 0 				
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	11	11		
4.1	Thực hiện quy định của TW, UBND tỉnh về hệ thống chính quyền cơ sở	5	5		
4.1.1	Thực hiện quy chế làm việc của UBND <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1 - Thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định: 0 	1	1		
4.1.2	Kiểm điểm thực hiện Quy chế làm việc hàng năm <ul style="list-style-type: none"> - Có báo cáo đánh giá kiểm điểm theo quy định: 2 - Không báo cáo đánh giá kiểm điểm: 0 	2	2		
4.1.3	Kết quả thực hiện Quy chế làm việc <ul style="list-style-type: none"> - Không có CBCC vi phạm quy chế: 2 - Có CBCC vi phạm thì đánh giá là: 0 	2	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
4.2	Thực hiện quy chế dân chủ và dân vận chính quyền ở đơn vị - <i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định quy chế dân chủ: 1</i> - <i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định công tác dân vận chính quyền: 1</i> - <i>Không thực hiện: 0</i>	2	2		
4.3	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại đơn vị - <i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 2</i> - <i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0</i>	2	2		
4.4	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND cấp tỉnh, cấp huyện phân cấp cho UBND cấp xã - <i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 2</i> - <i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>	2	2		
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	14	12		
5.1	Thực hiện cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí chức danh	1	1		
	- <i>Đúng quy định: 1</i> - <i>Không đúng quy định: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
5.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	4	4		
5.2.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã: - Đạt 100% số công chức đạt chuẩn: 2 - Dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0	2	2		
5.2.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã: - Từ 80% đến 100% số cán bộ đạt chuẩn thì tính theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số cán bộ, công chức; b là số cán bộ, công chức đạt chuẩn - Dưới 80% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0	2	2		
5.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm Đánh giá theo công thức $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số cán bộ, công chức cử đi theo kế hoạch; b là số cán bộ, công chức đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.	2	2		
5.4	Đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức	5	3		
5.4.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại công chức theo quy định	1	1		
	- Đúng quy định: 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	- Không đúng quy định: 0				
5.4.2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức	2	2		
	- Từ 80% đến 100% thì đánh giá theo công thức $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số cán bộ, công chức; b là số cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ. - Dưới 80%: 0				
5.4.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	2	0		
	- Trong năm không có cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 2 - Trong năm nếu có cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0		0		
5.5	Về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	2	2		
	- Bố trí số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã đúng quy định: 2		2		
	- Bố trí số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã không đúng theo quy định: 0.				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	12	12		
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	6	6		
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm: - Từ 80% đến 100% thì đánh giá theo công thức $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số tiền phải giải ngân theo kế hoạch; b là số tiền đã giải ngân. - Dưới 80%: 0	2	2		
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách: - Từ 80% đến 100% số kiến nghị được thực hiện thì đánh giá theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số kiến nghị, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; b là số kiến nghị đã được thực hiện. - Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện: 0	2	2		
6.1.3	Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí nguồn ngân sách nhà nước - Không có sai phạm: 2 - Có sai phạm: 0	2	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
6.2	Thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách và các hoạt động tài chính xã - Thực hiện đúng quy định: 2. - Không đúng quy định: 0.	2	2		
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương	1	1		
	- Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 1; - Có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0.				
6.4	Xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ	1	1		
	- Có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đúng quy định: 1; - Có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ nhưng thực hiện chưa đảm bảo đúng quy định: 0.5 - Chưa ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ: 0				QĐ số 16 ngày 10/02/2023
6.5	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị: - Đã ban hành đầy đủ theo quy định: 2 - Có ban hành nhưng chưa đầy đủ theo quy định: 1 - Chưa ban hành: 0		2		QĐ số 15 ngày 10/02/2023
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	17	15.5		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin	3	3		
7.1.1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi số	1	1		KH số 14 ngày 30/01/2023
	<i>Có ban hành: 1</i>				
	<i>Không ban hành: 0</i>				
7.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	1	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.1.3	Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số	1	1		-BC số 106 ngày 09/6/2023 về kết quả triển khai thực hiện CDS 6 tháng đầu năm 2023
	<i>Có đầy đủ báo cáo định kỳ, đúng thời gian quy định: 1</i>				
	<i>Không có báo cáo, thiếu báo cáo, báo cáo không đúng thời gian: 0</i>				
7.2	Ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị	2.5	2.5		
7.2.1	Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử (trừ văn bản không được gửi nhận qua môi trường mạng): - 100% số văn bản được xử lý đúng quy trình trên phần mềm: 1 - Dưới 100% số văn bản được xử lý đúng quy trình trên phần mềm: 0	0.5	0,5		
7.2.2	Tỷ lệ văn bản đi có sử dụng chữ ký số cơ quan (trừ văn bản không được gửi nhận qua môi trường mạng): - Đạt 100% số văn bản: 1 - Dưới 100% số văn bản: 0	1	1		
7.2.3	Tỷ lệ văn bản đi có sử dụng chữ ký số lãnh đạo - Đạt 100% số văn bản: 1 - Dưới 100% số văn bản: 0	1	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.3	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	2	2		
	<i>Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực theo quy định: 2</i>		2		<i>Năm 2023: 55%, mỗi năm tăng tối thiểu 20% cho đến khi đạt tỷ lệ 100% (mục 2 phần III, Điều 1 Nghị quyết số 76/NQ-CP</i>
	<i>Không hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực theo quy định: 0</i>				
7.4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	5.5	4		
7.4.1	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến <i>Tính điểm theo công thức $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ; b là tổng số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến</i>	2	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.4.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm cả trực tuyến và trực tiếp); b là tổng số số hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình.</i>	2	2		
7.4.3	Thực hiện thanh toán trực tuyến	1.5	0		
	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến được tính theo công thức $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. <i>Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính; b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến</i>	0.5	0		
	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến được tính theo công thức $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. <i>Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính; b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>	0.5	0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến được tính theo công thức $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. <i>Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá; b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>	0.5	0		
7.5	Hoạt động của trang thông tin điện tử (TTĐT): - Cập nhật thường xuyên, đầy đủ: 1 - Trang TTĐT không hoạt động hoặc không cập nhật đầy đủ: 0	1	1		
7.6	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	1	1		
	<i>Có thực hiện: 1</i>				KH số 17 ngày 01/02/2023 về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính viễn thông trên địa bàn xã Hà Bắc năm 2023
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
7.7	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001	2	2		
7.7.1	Công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 vào hoạt động quản lý tại UBND cấp xã	1	1		
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.7.2	Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 vào hoạt động quản lý tại UBND cấp xã	1	1		
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
	TỔNG ĐIỂM	100	94.5		